

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 205/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09/6/2022

Về ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Ngọc Anh
2. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Cảnh - Thư ký viên Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT chính thức: Ông Nguyễn Văn Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 83/2022/TLST- HNGĐ, ngày 03/3/2022 tranh chấp Hôn nhân và gia đình về “*ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 4 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 64/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 18/5/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ma C, sinh năm 1993. Nơi cư trú: số 63, thôn P’Ró T, xã P’Ró, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Đặng Văn T, sinh năm 1986. Nơi cư trú: ấp PĐ, xã PL, huyện PT, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải không được chị Ma C có lời trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên anh chị trước đây được tìm hiểu với nhau và được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã PL, huyện PT, tỉnh An Giang vào ngày 19/3/2012 theo quy định. Chung sống với nhau hạnh phúc cho đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do: vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống; thường xuyên cự cãi nhau dẫn đến tình cảm không thể hàn gắn được. Nguyên nhân là do giữa vợ chồng nảy sinh nhiều quan niệm sống khác biệt, bất đồng về tính cách, lối sống, quan

điểm không hoà hợp dẫn đến không hạnh phúc; vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thời gian dài và cả hai bên không còn quan tâm lẫn nhau. Nhiều lần vợ chồng muốn giải quyết các mâu thuẫn và hàn gắn chung sống lại với nhau nhưng không thành, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, không thể chung sống lại với nhau.

Nay cảm thấy tình cảm không còn, hôn nhân không hạnh phúc, không thể chung sống với nhau lâu dài nên chị Ma C cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Văn T.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống có 02 người con chung tên Đặng Long NG, sinh ngày 27/8/2012 hiện đang sống với anh T và Đặng Thang H, sinh ngày 20/6/2018 hiện đang sống với chị Ma C. Chị Ma C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 01 đứa con tên Đặng Thang H đến trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng theo quy định; đồng ý giao 01 đứa con tên Đặng Long NG cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Về quan hệ tài sản chung; nợ phải thu và phải trả: chị khai không có, không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Bị đơn anh Đặng Văn T vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý đến khi xét xử nên không có lời trình bày.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT về việc Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Đặng Văn T được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh T vẫn vắng mặt căn cứ Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T. Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa chị Ma C và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và ly thân thời gian dài không hàn gắn được phù hợp với xác nhận của bà Lưu Thị T là mẹ ruột của anh T nên yêu cầu của chị Ma C về xin ly hôn là có căn cứ pháp luật. Về con chung 02 người con chung tên Đặng Long NG, sinh ngày 27/8/2012 hiện đang sống với anh T và Đặng Thang H, sinh ngày 20/6/2018 hiện đang sống với chị Ma C cần ổn định cuộc sống cho các cháu và phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyệt G nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Ma C được tiếp tục nuôi dưỡng đứa con tên Đặng Thang H và giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng đứa con tên Đặng Long NG. Chị Ma C chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về hình thức, thủ tục tố tụng:

1.1 *Về quan hệ tranh chấp:* chị Ma C có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về “ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Đặng Văn T, sinh năm 1986. Nơi cư trú: ấp PD, xã PL, huyện PT, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

1.3 Về thủ tục tố tụng: bị đơn anh Đặng Văn T được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên HĐXX căn cứ Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: chị Ma C và anh Đặng Văn T có đăng ký kết hôn (giấy chứng nhận kết hôn số 19/2012, ngày 19/3/2012 do UBND xã PL, huyện PT, tỉnh An Giang cấp cho anh chị) đây là hôn nhân được pháp luật bảo vệ và giải quyết khi có mâu thuẫn xảy ra. Căn cứ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, hôn nhân của anh chị được xác lập từ năm 2012 trên cơ sở tìm hiểu nhau tiến tới chung sống, thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly thân, nguyên nhân do thường xuyên cự cãi về đời sống hằng ngày; giữa vợ chồng nảy sinh nhiều quan niệm sống khác biệt, bất đồng về tính cách, lối sống, quan điểm không hoà hợp dẫn đến không hạnh phúc; vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thời gian dài và anh chị không còn quan tâm lẫn nhau, có hàn gắn chung sống lại với nhau nhưng không thành, hiện tại các bên đi nơi khác làm thuê sinh sống một thời gian dài không chung sống với nhau nên anh chị đã chính thức ly thân từ năm 2019 cho đến nay; thời gian ly thân anh chị không tạo điều kiện để hàn gắn, từ đó tình cảm vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời từ khi ly thân cho đến nay, cũng như từ khi Tòa án thụ lý yêu cầu ly hôn của chị Ma C phía anh T được gia đình thông báo biết về ly hôn của chị Ma C nhưng cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm; không còn quan tâm về hôn nhân này phù hợp với xác nhận của bà Lưu Thị T là mẹ ruột của anh T nên HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ma C theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

2.2 Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống chị Ma C xác nhận có 02 người con chung tên Đặng Long NG, sinh ngày 27/8/2012 hiện đang sống với anh T và Đặng Thang H, sinh ngày 20/6/2018 hiện đang sống với chị Ma C, nay chị Ma C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 01 người con tên Đặng Thang H đến trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng theo quy định; đồng ý giao 01 đứa con tên Đặng Long NG cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định. Xét thấy, từ khi ly thân cho đến nay cháu Đặng Long NG đang chung sống bên gia đình anh T được trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc ổn định và cháu Đặng Thang H còn nhỏ đang chung sống với chị Ma C và được gởi tại trường mầm non như bao đứa trẻ khác. Từ đó, xét thấy hoàn cảnh và điều kiện trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chưa thành niên của chị Ma C và anh T hiện tại là đảm bảo, cũng phù hợp nguyện vọng của cháu Nguyệt G cần giữ ổn định cuộc sống cho các cháu nên HĐXX chấp nhận giao cho chị Ma C tiếp tục nuôi dưỡng 01 người con chung tên Đặng Thang H đến thành niên hoặc tự lập được; giao cháu Đặng Long NG cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, các bên không phải cấp dưỡng lẫn

nhau theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Vì lợi ích của các con chung thời gian sau này mà chị Ma C và anh T nuôi dưỡng không đảm bảo thì anh chị có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

2.3 Về quan hệ tài sản chung và nợ phải thu, phải trả: chị Ma C khai không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ, chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3]. Về án phí DSST: chị Ma C phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: chị Ma C và anh Đặng Văn T có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 3; khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Ma C đối với anh Đặng Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Ma C được ly hôn với anh Đặng Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 19/2012 ngày 19/3/2012 do Ủy ban nhân dân xã PL, huyện PT, tỉnh An Giang cấp cho anh, chị không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung:

2.1 Giao người con chung tên Đặng Thang H, sinh ngày 20/6/2018 cho chị Ma C được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc đến thành niên và tự lập được.

2.2 Giao người con chung tên Đặng Long Nguyệt G, sinh ngày 27/8/2012 cho anh Đặng Văn T được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc đến thành niên và tự lập được.

Chị Ma C và anh Đặng Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung lẫn nhau theo quy định.

2.3 Chị Ma C và anh Đặng Văn T trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở mà phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi chị Ma C hoặc anh Đặng Văn T đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung lẫn nhau sau khi ly hôn.

2.4 Vì lợi ích của con chung khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về án phí DSST:

3.1 Chị Ma C phải chịu án phí về hôn nhân là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 600.000 đồng do chị Ma C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004354, ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh An Giang, còn lại số tiền 300.000 đồng hoàn trả lại cho chị Ma Chim.

3.2 Anh Đặng Văn T không phải chịu án phí.

Chị Ma C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Đặng Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện PT;
- CCTHADS huyện PT;
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Thành Thuận